

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày 20 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lam và ông Dương Quốc Phòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/TLST-HS ngày 21/01/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HS ngày 05/3/2020, đối với bị cáo: **Trương Thanh L**, sinh ngày 04 tháng 5 năm 1991 tại Quảng Bình; nơi cư trú: thôn K, xã Ch, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Minh Ngh và bà Trương Thị T (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Lệ D (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2019 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại, đồng thời cũng là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Trần Thị C, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn Tr, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Những người bị hại:

+ Chị Dương Thị H, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn Tr, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Lê Thị H, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Trần Thị G, sinh năm 1966; nơi cư trú: thôn Tr, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Phan Thị Th, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn Tr, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1964; nơi cư trú: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1964; nơi cư trú: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Phạm Thị Tr, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1974; nơi cư trú: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- *Những người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1973; nơi cư trú: thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết nên vào khoảng tháng 7/2018, Trương Thanh L đến nhà Anh Nguyễn Văn N ở xã Đức Trạch chơi và tự giới thiệu mình là nhân viên của Ngân hàng VPBank chi nhánh Quảng Bình và tự đưa ra thông tin là Ngân hàng đang có gói cho vay tới 300.000.000 đồng mà không cần thế chấp tài sản, chỉ cần phô tô chứng minh nhân dân và hộ khẩu nhưng phải đưa trước cho L 10.000.000 đồng trên một bộ hồ sơ để làm lệ phí và nhờ N giới thiệu người có nhu cầu vay. Sau đó, L ra nhà N gặp các cá nhân trên địa bàn xã Đức Trạch có nhu cầu vay vốn, cùng với lời giới thiệu như trên, L đưa tờ đơn đề nghị vay vốn của ngân hàng VPbank mà L đã lấy trên mạng cho các hộ dân có nhu cầu vay ký tên, rồi nhận giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu phô tô và lấy mỗi người 10.000.000 đồng của các cá nhân gồm: chị Dương Thị H, Lê Thị H, Trần Thị G, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Trần Thị H và Trần Thị C. Tổng số

tiền mà L nhận là 70.000.000 đồng. Sau đó, Trần Thị H xin số điện thoại của L rồi giới thiệu thêm một số cá nhân trên địa bàn Đức Trạch có nhu cầu vay vốn. Được L hướng dẫn nên Trần Thị H đã nhận của chị Nguyễn Thị L số tiền 40.000.000 đồng, chị Hoàng Thị H số tiền 20.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ng số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của những cá nhân trên chị H điện cho L thì L đề nghị chuyển tiền vào số tài khoản 53210000538191 của Trương Thanh L mở tại ngân hàng BIDV Bắc Quảng Bình. Ngày 21/8/2018, chị H chuyển vào số tài khoản trên số tiền 40.000.000 đồng mà H đã nhận của Nguyễn Thị L. Ngày 23/8/2018, chị H tiếp tục chuyển vào số tài khoản trên số tiền 25.000.000 đồng mà H đã nhận của Hoàng Thị H và 5.000.000 đồng trong số tiền 20.000.000 đồng mà chị H đã nhận của chị Nguyễn Thị Ng. Chị H khai 15.000.000 đồng còn lại mà chị H đã nhận của chị Ng thì chị H đưa trực tiếp cho L tại quán Nước Lợi Thí ở phía nam cầu Lý Hòa nhưng L không thừa nhận và chị H không có chứng cứ để chứng minh.

Trần Thị C sau khi làm hồ sơ vay xong cũng xin số điện thoại của L và giới thiệu một số cá nhân có nhu cầu vay, được L hướng dẫn thì chị C đã nhận của chị Trần Thị H số tiền 15.000.000 đồng, chị Trần Thị H số tiền 10.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L số tiền 10.000.000 đồng và chị Hoàng Thị B số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, liên lạc với L và được L hẹn gặp tại quán nước trước UBND xã Đồng Trạch và tại đây L đưa cho chị Trần Thị H, Trần Thị H và Nguyễn Thị L ký giấy đề nghị vay vốn rồi cầm hồ sơ của những người trên và nhận từ chị C số tiền 20.000.000 đồng bỏ trong phong bì. Chị C khai là 30.000.000 nhưng L chỉ thừa nhận 20.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng L không thừa nhận và chị C không có chứng cứ để chứng minh. Sau đó mấy ngày, chị C hẹn L ra nhà và đưa cho L 15.000.000 đồng, số tiền này là tiền của chị H 5.000.000 đồng và của chị Hoàng Thị B 10.000.000 đồng.

Trần Thị H cũng giới thiệu một số cá nhân có nhu cầu vay vốn, được L hướng dẫn nên chị H nhận của chị Nguyễn Thị L 20.000.000 đồng (làm hồ sơ cho Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Xuân C); chị Phạm Thị Tr 10.000.000 đồng. Ngày 17/8/2018, chị H nộp vào số tài khoản trên của L 20.000.000 đồng để làm thủ tục vay vốn cho chồng là Nguyễn Văn C. Ngày 22/8/2018, chị H nhờ chồng là Nguyễn Văn C chuyển vào số tài khoản trên của L 10.000.000 đồng, đây là số tiền mà chị H tự bỏ ra để làm hồ sơ vay cho Nguyễn Văn C và đến ngày 23/8/2018, chị H nhờ anh C chuyển vào số tài khoản trên của L 10.000.000 đồng mà chị H đã nhận của Phạm Thị Tr. Còn 20.000.000 đồng mà chị H nhận của Nguyễn Thị L, chị H khai đưa trực tiếp cho L tại đường Quốc lộ 1A nhưng L không thừa nhận và chị H không có chứng cứ để chứng minh.

Một thời gian sau, chị Hoàng Thị Th và chị Trần Thị C thấy thời gian giải ngân lâu, không muốn vay nữa nên đã được L trả lại cho chị Th và chị C mỗi người 10.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà L chiếm đoạt của các bị hại là 190.000.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và cho đến phiên tòa hôm nay các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho các bị hại cụ thể: chị Dương Thị H yêu cầu số tiền 10.000.000 đồng, chị Lê Thị H yêu cầu số tiền

10.000.000 đồng, chị Trần Thị G yêu cầu số tiền 10.000.000 đồng, chị Phan Thị Th số tiền 10.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L số tiền 40.000.000 đồng, chị Hoàng Thị H yêu cầu số tiền 17.000.000 đồng (chị đã nhận từ chị Trần Thị H 3.000.000 đồng), chị Hoàng Thị B yêu cầu số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Bị hại Phạm Thị Tr không yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền 10.000.000 đồng; chị Trần Thị H đã đưa cho L số tiền 10.000.000 đồng để làm hồ sơ vay vốn nhưng không yêu cầu bồi thường số tiền này, chị chỉ yêu cầu L bồi thường số tiền 3.000.000 đồng mà chị đã bỏ ra để hoàn trả cho chị Hoàng Thị H; chị Trần Thị H chuyển khoản cho L số tiền 30.000.000 đồng để làm hồ sơ vay cho chồng là Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn Ch, quá trình điều tra chị Trần Thị H không yêu cầu L bồi thường nhưng tại phiên tòa chị H yêu cầu L phải bồi thường 10.000.000 đồng mà chị đã bỏ ra để làm hồ sơ cho anh Ch. Bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường

Người có nghĩa vụ liên quan Trần Thị H đã nhận của Nguyễn Thị Ng 20.000.000 đồng và đã chuyển vào tài khoản của Trương Thanh L 5.000.000 đồng và L đã thừa nhận số tiền này, còn 15.000.000 đồng đưa trực tiếp cho L nhưng L không thừa nhận. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Ng yêu cầu bị cáo L phải bồi thường cho chị số tiền 5.000.000 đồng và người có nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H phải hoàn trả cho chị số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Trần Thị C đã nhận của Trần Thị H 15.000.000 đồng, của Nguyễn Thị L 10.000.000 đồng, của Trần Thị H 10.000.000 đồng. Sau đó C đã đưa cho L số tiền 5.000.000 đồng của Trần Thị H, còn lại 10.000.000 đồng của Trần Thị H, của Nguyễn Thị L 10.000.000 đồng và của Trần Thị H 10.000.000 đồng, tổng 30.000.000 đồng, chị C khai đã đưa cho L tại quán nước trước UBND xã Đồng Trạch nhưng L chỉ thừa nhận là đưa 20.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng L không thừa nhận. Quá trình điều tra cho đến phiên tòa hôm nay, các bị hại yêu cầu bị cáo L phải bồi thường cho các bị hại, các bị hại cũng yêu cầu người có nghĩa vụ liên quan Trần Thị C phải hoàn trả lại số tiền mà bị cáo L không thừa nhận. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Người có quyền lợi liên quan Trần Thị H đã nhận của Nguyễn Thị L số tiền 20.000.000 đồng và đưa trực tiếp cho L tại đường Quốc lộ 1A nhưng L không thừa nhận. Tuy nhiên, quá trình điều tra cho đến phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị L không yêu cầu chị H phải hoàn trả lại số tiền trên.

Đối với chị Trần Thị H, chị Trần Thị C và chị Trần Thị H vừa là bị hại vừa là những người đã trực tiếp giới thiệu các cá nhân trên địa bàn xã Đức Trạch nộp tiền làm thủ tục vay tại Trương Thanh L nhưng do không biết Trương Thanh L lừa dối và cũng không hưởng lợi gì từ những hành vi của mình nên chưa đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

Ngoài ra có một số cá nhân khai đã trực tiếp đưa tiền cho Nguyễn Văn N và N khai đã nộp cho Trương Thanh L nhưng L không thừa nhận. Quá trình điều tra đã tiến hành đối chất giữa các bên và cho đến phiên tòa hôm nay cũng không có gì để chứng

minh được cho hành vi phạm tội của L cũng như những hành vi vi phạm pháp luật của N nên không có cơ sở để xem xét trong vụ án này, nếu sau này Cơ quan điều tra làm rõ được hành vi phạm tội của L và hành vi vi phạm pháp luật của N thì sẽ xử lý ở một vụ án khác.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKSBT ngày 20 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Trương Thanh L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thanh L từ 42 đến 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/10/2019; đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định;

Về dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại theo số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt; buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải hoàn trả lại số tiền đã nhận.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo và trách nhiệm chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị hại đều có chung ý kiến: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt như đã nêu trên cho các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải hoàn trả lại số tiền mà bị cáo không thừa nhận cho các bị hại. Nhiều bị hại mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm có điều kiện bồi thường cho các bị hại.

Bị cáo Trương Thanh L nhất trí tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có ý kiến tranh luận gì thêm. Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định pháp luật về tố tụng.

Việc một số người bị hại, nhân chứng vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, đã thu thập được lời khai của người này, nên sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trương Thanh L đều thống nhất thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến

tháng 8 năm 2018, lợi dụng sự tin tưởng của những người bị hại, Trương Thanh L đã giả danh là cán bộ của Ngân Hàng VPbank Quảng Bình và tự đưa ra thông tin giả là Ngân hàng đang có gói vay tới 300.000.000 đồng mà không cần thế chấp tài sản, chỉ cần phô tô chứng minh nhân dân và hộ khẩu nhưng phải đưa trước cho L 10.000.000 đồng trên một hồ sơ làm lệ phí nhằm mục đích là lừa gạt để chiếm đoạt tiền của những người bị hại, phục vụ chi việc tiêu xài cá nhân. Xét thấy diễn biến hành vi phạm tội, cũng như lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Tổng số tiền mà L chiếm đoạt của các bị hại là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), đây là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Trương Thanh L đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, việc truy tố của Viện kiểm sát là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo đã gây nguy hiểm đến xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của gia đình bị hại, gây ảnh hưởng đến trật tự chung trên địa bàn. Bị cáo tuổi đời còn rất trẻ, có sức khỏe, có nhận thức đầy đủ nhưng chỉ muốn ăn chơi, hưởng thụ lại lười lao động nên đã chiếm đoạt thành quả lao động của người khác để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Mặc dù không phải là cán bộ ngân hàng nhưng bị cáo đã tự mạo nhận và tự đưa ra thông tin giả để đánh lừa những người bị hại nhằm mục đích để chiếm đoạt tiền của họ và mất khả năng hoàn trả. Hành vi này của bị cáo cho thấy bị cáo là đối tượng có ý thức coi thường pháp luật, sẵn sàng vi phạm pháp luật khi có điều kiện. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm đảm bảo răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi nhận tiền của những người bị hại khác nhau và ở những thời điểm khác nhau, các lần đó đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhiều người bị hại đã xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về có điều kiện bồi thường thiệt hại cho các bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên để miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và cho đến phiên tòa hôm nay các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho các bị hại cụ thể: chị Dương Thị H yêu cầu số tiền 10.000.000 đồng, chị Lê Thị H yêu cầu số tiền 10.000.000 đồng, chị Trần Thị G yêu cầu số tiền 10.000.000 đồng, chị Phan Thị Th số tiền 10.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L số tiền 40.000.000 đồng, chị Hoàng Thị H yêu cầu số tiền 17.000.000 đồng (chị đã nhận từ chị Trần Thị H 3.000.000 đồng), chị Hoàng Thị B yêu cầu số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường nên cần áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho những người bị hại theo các số tiền như trên là có căn cứ.

Bị hại chị Phạm Thị Tr không yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền 10.000.000 đồng nên không xem xét.

chị Trần Thị H đã đưa cho L số tiền 10.000.000 đồng để làm hồ sơ vay vốn nhưng không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Nhưng chị yêu cầu L bồi thường số tiền 3.000.000 đồng mà chị đã bỏ ra để hoàn trả cho chị Hoàng Thị H nên buộc L phải bồi thường số tiền này là có cơ sở.

chị Trần Thị H chuyển khoản cho L số tiền 30.000.000 đồng để làm hồ sơ vay cho chồng là Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn Ch, quá trình điều tra chị H không yêu cầu L bồi thường nhưng tại phiên tòa chị H yêu cầu L bồi thường số tiền 10.000.000 đồng mà chị tự bỏ ra để làm hồ sơ cho anh Ch, còn 20.000.000 đồng mà chị nộp cho anh C không yêu cầu bồi thường. Bị cáo L đồng ý nhưng chưa bồi thường nên buộc bị cáo phải bồi thường 10.000.000 đồng cho chị Trần Thị H là có cơ sở, số tiền còn lại không yêu cầu nên không xem xét.

Người có quyền lợi liên quan Trần Thị H đã nhận của Nguyễn Thị L số tiền 20.000.000 đồng và đưa trực tiếp cho L tại đường Quốc lộ 1A nhưng L không thừa nhận và cho đến phiên tòa hôm nay chị H cũng không chứng minh được gì cho lời nói của mình là có cơ sở nên không có căn cứ để buộc bị cáo L phải chịu trách nhiệm đối với số tiền này. Tuy nhiên, cho đến phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị L không yêu cầu bồi thường số tiền trên nên không xem xét.

Người có nghĩa vụ liên quan Trần Thị H đã nhận của Nguyễn Thị Ng 20.000.000 đồng và đã chuyển vào tài khoản của Trương Thanh L 5.000.000 đồng còn 15.000.000 đồng đưa trực tiếp cho L nhưng L không thừa nhận và cho đến phiên tòa hôm nay chị H cũng không có giấy tờ gì để chứng minh cho lời nói của mình là có cơ sở nên không có căn cứ để buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm cho số tiền này mà chỉ buộc bị cáo L phải bồi thường cho Nguyễn Thị Ng số tiền 5.000.000 đồng và người có nghĩa vụ liên quan Trần Thị H phải hoàn trả cho Nguyễn Thị Ng số tiền 15.000.000 đồng là có cơ sở.

Chị Trần Thị C đã nhận của Trần Thị H 15.000.000 đồng, của Nguyễn Thị L 10.000.000 đồng của Trần Thị H 10.000.000 đồng. Sau đó C đã đưa cho L số tiền 5.000.000 đồng của Trần Thị H còn lại 10.000.000 đồng của Trần Thị H, của Nguyễn Thị L 10.000.000 đồng và của Trần Thị H 10.000.000 đồng, tổng 30.000.000 đồng,

chị C khai đã đưa cho L tại quán nước trước UBND xã Đồng Trạch nhưng L chỉ thừa nhận là đưa 20.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng L không thừa nhận và cho đến phiên tòa hôm nay chị C cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời nói của mình là có cơ sở nên cũng không có căn cứ để buộc L phải chịu trách nhiệm đối với số tiền này, mà chỉ buộc bị cáo L phải bồi thường cho Trần Thị H số tiền 11.666.000 đồng, bồi thường cho Nguyễn Thị L số tiền 6.666.000 đồng và bồi thường cho Trần Thị H số tiền 6.666.000 đồng. Buộc người có nghĩa vụ liên quan Trần Thị C phải hoàn trả cho Trần Thị H số tiền 3.333.000 đồng, Nguyễn Thị L số tiền 3.333.000 đồng và Trần Thị H số tiền 3.333.000 đồng là có cơ sở.

[7] Về án phí: Bị cáo Trương Thanh L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H, chị Trần Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Thanh L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Phạt bị cáo Trương Thanh L 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 08/10/2019).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trương Thanh L với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/5/2020) để đảm bảo thi hành án, theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trương Thanh L.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trương Thanh L phải bồi thường thiệt hại cho những người bị hại số tiền 149.998.000 đồng, cụ thể như sau: Bồi thường cho chị Dương Thị H số tiền 10.000.000 đồng, chị Lê Thị H số tiền 10.000.000 đồng, chị Trần Thị G số tiền 10.000.000 đồng, chị Phan Thị Th số tiền 10.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L số tiền 40.000.000 đồng; chị Hoàng Thị H số tiền 17.000.000 đồng; chị Hoàng Thị B số tiền 10.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ng số tiền 5.000.000 đồng chị Trần Thị H số tiền 11.666.000 đồng, chị Nguyễn Thị L số tiền 6.666.000 đồng, chị Trần Thị H số tiền 16.666.000 đồng và chị Trần Thị H số tiền 3.000.000 đồng.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Ng số tiền 15.000.000 đồng.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị C phải hoàn trả cho chị Trần Thị H số tiền 3.333.000 đồng, chị Nguyễn Thị L số tiền 3.333.000 đồng và chị Trần Thị H số tiền 3.333.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường trên, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (do đây là trường hợp các bên không có thỏa thuận).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trương Thanh L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 7.499.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Trần Thị H phải nộp 750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Trần Thị C phải nộp 499.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng những người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Công an huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Bộ phận THAHS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Quốc Tân

